

Số: 77/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Giao biên chế công chức trong các cơ quan của
chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 35**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 53-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Thông báo số 111-TB/TU ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về giao biên chế khối chính quyền năm 2026;

Xét Tờ trình số 12932/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã năm 2026 là 7.654 người (có Phụ lục kèm theo), trong đó:

1. Biên chế trong các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh là 1.744 người;
2. Biên chế trong các cơ quan cấp xã là 5.910 người.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVIII, Kỳ họp thứ 35 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./. *th*

Nơi nhận: *th*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT. *th*



Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH NGHỆ AN NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số ~~77~~/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh)

TT	Đơn vị	Biên chế năm 2026	Ghi chú
	Tổng	7654	
I	Cấp tỉnh	1744	
1	Biên chế đại biểu chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	16	
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	32	
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	81	
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	560	
	Cơ quan Sở	107	
	Chi cục Kiểm lâm	295	
	Chi cục Bảo vệ môi trường	13	
	Văn phòng Chi cục Chăn nuôi và Thú y	19	
	Văn phòng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	25	
	Văn phòng Chi cục Thủy lợi	23	
	Văn phòng Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	27	
	Văn phòng Chi cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	19	
	Chi cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	12	
	Hạt kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt	10	
	Hạt kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống	10	
5	Sở Công Thương	152	
	Cơ quan Sở	52	
	Chi cục Quản lý thị trường	100	
6	Sở Y tế	89	
7	Sở Nội vụ	75	
8	Sở Khoa học và Công nghệ	48	
9	Sở Tài chính	120	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	68	
11	Sở Xây dựng	104	
12	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	67	
13	Thanh tra tỉnh	155	
14	Sở Tư pháp	37	
15	Sở Ngoại vụ	17	
16	Sở Dân tộc và Tôn giáo	37	
17	Ban quản lý Khu Kinh tế Đông Nam	34	
18	Các đơn vị sử dụng biên chế công chức	0	
a	Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia Pù Mát	46	
b	Văn phòng Ban an toàn giao thông	6	
II	Cấp xã	5910	Giảm dần đến:
1	Xã Anh Sơn	49	
2	Xã Yên Xuân	47	
3	Xã Nhân Hòa	42	
4	Xã Anh Sơn Đông	36	



Handwritten signature or mark.

TT	Đơn vị	Biên chế năm 2026	Ghi chú
5	Xã Vĩnh Tường	44	
6	Xã Thành Bình Thọ	36	
7	Xã Con Cuông	46	
8	Xã Môn Sơn	38	
9	Xã Mậu Thạch	36	
10	Xã Cam Phục	36	
11	Xã Châu Khê	36	
12	Xã Bình Chuẩn	36	
13	Xã Diên Châu	54	
14	Xã Đức Châu	48	
15	Xã Quảng Châu	49	46
16	Xã Hải Châu	49	
17	Xã Tân Châu	46	44
18	Xã An Châu	50	49
19	Xã Minh Châu	51	50
20	Xã Hùng Châu	54	
21	Xã Đô Lương	54	
22	Xã Bạch Ngọc	49	
23	Xã Văn Hiến	47	
24	Xã Bạch Hà	47	
25	Xã Thuần Trung	48	
26	Xã Lương Sơn	46	
27	Phường Hoàng Mai	50	
28	Phường Tân Mai	44	
29	Phường Quỳnh Mai	56	
30	Xã Hưng Nguyên	55	54
31	Xã Yên Trung	41	
32	Xã Hưng Nguyên Nam	50	46
33	Xã Lam Thành	54	43
34	Xã Mường Xén	36	
35	Xã Hữu Kiệm	36	
36	Xã Nậm Cắn	36	
37	Xã Chiêu Lưu	36	
38	Xã Na Loi	36	
39	Xã Mường Típ	36	
40	Xã Na Ngòi	36	
41	Xã Mỹ Lý	36	
42	Xã Bắc Lý	36	
43	Xã Keng Đu	36	
44	Xã Huồi Tụ	36	
45	Xã Mường Lống	36	
46	Xã Vạn An	50	
47	Xã Nam Đàn	44	40
48	Xã Đại Huệ	40	
49	Xã Thiên Nhân	48	
50	Xã Kim Liên	54	

TT	Đơn vị	Biên chế năm 2026	Ghi chú
51	Xã Nghĩa Đàn	40	39
52	Xã Nghĩa Thọ	44	41
53	Xã Nghĩa Lâm	43	
54	Xã Nghĩa Mai	37	
55	Xã Nghĩa Hưng	45	
56	Xã Nghĩa Khánh	45	
57	Xã Nghĩa Lộc	45	
58	Xã Nghi Lộc	51	
59	Xã Phúc Lộc	42	
60	Xã Đông Lộc	43	
61	Xã Trung Lộc	46	43
62	Xã Thần Lĩnh	38	
63	Xã Hải Lộc	40	38
64	Xã Văn Kiều	48	
65	Xã Quế Phong	46	42
66	Xã Tiên Phong	38	36
67	Xã Tri Lễ	37	36
68	Xã Mường Quàng	37	
69	Xã Thông Thụ	36	
70	Xã Quỳnh Châu	53	43
71	Xã Châu Tiến	40	38
72	Xã Hùng Chân	39	36
73	Xã Châu Bình	36	
74	Xã Quỳnh Hợp	54	
75	Xã Tam Hợp	54	
76	Xã Châu Lộc	36	
77	Xã Châu Hồng	36	
78	Xã Mường Ham	36	
79	Xã Mường Chộng	36	
80	Xã Minh Hợp	41	
81	Xã Quỳnh Lưu	62	54
82	Xã Quỳnh Văn	49	
83	Xã Quỳnh Anh	54	
84	Xã Quỳnh Tam	54	
85	Xã Quỳnh Phú	58	54
86	Xã Quỳnh Sơn	46	
87	Xã Quỳnh Thắng	36	
88	Xã Tân Kỳ	55	52
89	Xã Tân Phú	48	
90	Xã Tân An	42	
91	Xã Nghĩa Đồng	40	
92	Xã Giai Xuân	36	
93	Xã Nghĩa Hành	42	
94	Xã Tiên Đồng	39	
95	Phường Thái Hòa	45	41
96	Phường Tây Hiếu	42	40



Handwritten signature

TT	Đơn vị	Biên chế năm 2026	Ghi chú
97	Xã Đông Hiếu	42	
98	Xã Cát Ngạn	42	
99	Xã Tam Đồng	46	
100	Xã Hạnh Lâm	36	
101	Xã Sơn Lâm	36	
102	Xã Hoa Quân	52	
103	Xã Kim Bảng	47	
104	Xã Bích Hào	53	
105	Xã Đại Đồng	57	54
106	Xã Xuân Lâm	54	
107	Xã Tương Dương	38	
108	Xã Tam Quang	36	
109	Xã Tam Thái	36	
110	Xã Lượng Minh	36	
111	Xã Yên Na	36	
112	Xã Yên Hòa	36	
113	Xã Nga My	36	
114	Xã Hữu Khuông	36	
115	Xã Nhôn Mai	36	
116	Phường Trường Vinh	87	74
117	Phường Thành Vinh	78	74
118	Phường Vinh Hưng	69	58
119	Phường Vinh Phú	73	65
120	Phường Vinh Lộc	70	62
121	Phường Cửa Lò	79	60
122	Xã Yên Thành	63	51
123	Xã Quan Thành	46	42
124	Xã Hợp Minh	52	51
125	Xã Vân Tụ	54	
126	Xã Vân Du	45	
127	Xã Quang Đông	42	
128	Xã Giai Lạc	54	
129	Xã Bình Minh	54	
130	Xã Đông Thành	51	